

Bản án số 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 02 năm 2021

“V/v ly hôn tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư

Ông Nguyễn Văn Môn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1987 (có mặt)

HKTT: Số nhà 9, ngõ 41, đường ĐT, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Số nhà 10, đường V, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Chị Phạm Thanh H, sinh năm 1986 (vắng mặt)

HKTT: Số nhà 9, ngõ 41, đường ĐT, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Số nhà 10, đường V, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020, Bản tự khai, Biên bản hòa giải trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thanh H đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố B ngày 04/11/2013, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Anh chị được gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, tình cảm ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là

do hai người không hợp tính cách của nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình, hay xảy ra cãi vã nhau, mặc dù đã được gia đình động viên khuyên bảo nhưng tình cảm của vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là Nguyễn Hương T, sinh ngày 23/7/2014 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/12/2017. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hương T, sinh ngày 23/7/2014, anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/12/2017. Anh có nơi ở và công việc thu nhập ổn định đảm bảo được cuộc sống của con chung, về cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 14/12/2020 và biên bản hòa giải bị đơn là chị Phạm Thanh H trình bày quan điểm như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác nhận về thời gian, thủ tục và điều kiện kết hôn như anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ngay tình cảm ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do anh T nghi ngờ con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/12/2017 không phải là con chung của vợ chồng, ngoài ra có sự mâu thuẫn giữa chị với mẹ chồng, nên anh T đã nộp đơn xin ly hôn đối với chị. Chị thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng chị vẫn còn tình cảm yêu thương anh T. Chị mong muốn anh T rút đơn khởi kiện xin ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu anh T kiên quyết xin ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Hương T, sinh ngày 23/7/2014 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/12/2017. Hiện đang chung sống cùng với vợ chồng, cuộc sống của con chung vẫn được ổn định, Nếu trường hợp phải ly hôn thì chị có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/12/2017, anh T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hương T, sinh ngày 23/7/2014. Phần cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản xác minh ngày 05/01/2021, tại địa phương thể hiện quá trình chung sống anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không được biết.*

** Tại Biên bản xác minh ngày 05/01/2021, tại gia đình anh T thể hiện trong cuộc sống anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H có việc đe dọa tự tử và uống rượu dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau.*

* Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Đức T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị Phạm Thanh H vắng mặt tại phiên tòa, nên các đương sự không tự thỏa thuận với nhau được về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức T

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Phạm Thanh H.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hương Trà, sinh ngày 23/7/2014. Chị Phạm Thanh H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Đức, sinh ngày 25/12/2017.

Phần cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về thủ tục tố tụng: Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Phạm Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức T thì thấy đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là chị H có địa chỉ cư trú tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 04/11/2013 đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T xác định sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng hiện giữa anh và chị H đã sống ly thân nhau. Chị H xác định mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chị đề nghị anh T rút đơn khởi kiện ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ gia đình nuôi dạy con chung. Trường hợp anh T kiên quyết xin ly hôn thì chị đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, qua quá trình làm việc với anh T và chị H, Tòa án đã kiên trì tiến hành hòa giải về tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H nhiều lần nhưng anh T vẫn kiên quyết xin ly hôn với chị H. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Anh T và chị H có hai con chung là Nguyễn Hương T, sinh ngày 23/7/2014 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/12/2017. Con chung hiện đang chung sống cùng với vợ chồng, cuộc sống của con chung vẫn được ổn định. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/12/2017, anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hương T, sinh ngày 23/7/2014. Xét yêu cầu và điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh T và chị H là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T và chị H đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Phạm Thanh H.

2. *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Hương T, sinh ngày 23/7/2014 cho anh T nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/12/2017 cho chị Phạm Thanh H nuôi dưỡng.

Phần cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001603 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. B;
- CCTHA dân sự TP. B;
- UBND phường H, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Văn Tú